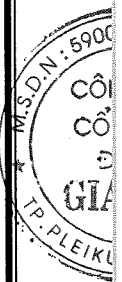


ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI



Gia Lai, ngày 16 tháng 9 năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	4
QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ, thuật ngữ	4
Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính và thời hạn hoạt động.....	5
Điều 3. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	8
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty.....	12
CHƯƠNG II	13
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	13
Điều 11. Quyền của Cổ đông.....	13
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông.....	14
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 16. Thay đổi các quyền	19
Điều 17. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 19. Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	28
CHƯƠNG III.....	28
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị.....	28
Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị.....	30
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng Quản trị	33
Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị.....	34
Điều 28. Ủy ban Kiểm toán	37
CHƯƠNG IV	38
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	38
Điều 29. Tổ chức bộ máy Công ty.....	38
Điều 30. Người điều hành Công ty.....	38
Điều 31. Tổng giám đốc	39
Điều 32. Người Phụ Trách Quản trị Công ty	40
CHƯƠNG V	41
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	41
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	41
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng	41

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	41
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	42
CHƯƠNG VI	43
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	43
Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	43
CHƯƠNG VII	44
CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC	44
TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	44
Điều 37. Cán bộ nhân viên và các hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể ...	44
CHƯƠNG XIII	44
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	44
Điều 38. Cổ tức	44
CHƯƠNG IX	45
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ	45
HỆ THỐNG KẾ TOÁN	45
Điều 39. Tài khoản ngân hàng	45
Điều 40. Trích lập các Quỹ	45
Điều 41. Năm tài khóa	46
Điều 42. Chế độ kế toán	46
CHƯƠNG X	46
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN,	46
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	46
Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	46
Điều 44. Báo cáo thường niên	47
Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	47
CHƯƠNG XI	47
KIỂM TOÁN CÔNG TY VÀ CON DẤU CÔNG TY	47
Điều 46. Kiểm toán	47
Điều 47. Con dấu	48
CHƯƠNG XII	48
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ	48
VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	48
Điều 48. Chấm dứt hoạt động	48
Điều 49. Gia hạn hoạt động	48
Điều 50. Thanh lý	48
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
CHƯƠNG XIII	49
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	49
Điều 52. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	49
Điều 53. Hiệu lực thi hành	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Gia Lai thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐQT ban hành ngày 16/9/2024 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.

Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan, không vượt quá thẩm quyền theo quy định của Điều lệ này sẽ là những quy tắc, quy định ràng buộc phải tuân thủ khi tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ, thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. **Công ty:** là Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
 - b. **Vốn điều lệ:** là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
 - c. **Luật Doanh nghiệp:** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
 - d. **Ngày thành lập:** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - e. **Người điều hành Công ty:** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Tùy theo nhu cầu quản lý Công ty trong từng thời điểm, Hội đồng Quản trị Công ty có thể bổ nhiệm các người điều hành khác.
 - f. **Người có liên quan:** là cá nhân/tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán.
 - g. **Thời hạn hoạt động:** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.
 - h. **Cổ đông:** là cá nhân/tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.
 - i. **Tổ chức lại:** là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.
 - j. **Việt Nam:** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
 - k. **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị do Cổ đông bầu chọn, thực hiện quyền hạn Công ty của một doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược của công ty và xác định các ưu tiên trong hoạt động kinh doanh của công ty, cũng như định hướng và kiểm soát công tác quản lý, và đưa ra quyết định về những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
 - l. **Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị:** là Thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

- m. **Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành:** là Thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.
 - n. **Thành viên Hội đồng quản trị điều hành:** là Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tham gia điều hành các hoạt động hàng ngày của một phần hay toàn bộ Công ty.
 - o. **Người Quản lý Công ty:** Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
 - p. **Bên có quyền lợi liên quan:** Theo quy định tại Khoản 23, Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - q. **Đại hội truyền thống:** là hình thức tổ chức cuộc họp tại duy nhất một địa điểm, Cổ đông tham dự, thảo luận và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - r. **Đại hội trực tuyến:** là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép Cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những quy định sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
 - 3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 - 4. Các từ, thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính và thời hạn hoạt động

- 1. Tên Công ty:
 - a. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**
 - b. Tên tiếng Anh: **GIA LAI ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY**
 - c. Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI**
 - d. Tên viết tắt: **GEC**
- 2. Công ty Cổ phần Điện Gia Lai là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam; theo quy định của pháp luật, Công ty kế thừa mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của Công ty Điện Gia Lai.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
 - Điện thoại: (0269) 3823604, (0269) 3823606
 - Fax: (0269) 3826365
 - E-mail: info@geccom.vn

- Website: www.geccom.vn

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 48, Điều 49 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 50 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập, thời điểm kết thúc do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

STT	Ngành nghề	Mã Ngành
1.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
2.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác; Máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng (trừ phân phối các mặt hàng mà tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được quyền phân phối)</i>	4659
3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống); Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110 KV trở xuống); Tư vấn quản lý dự án xây dựng công trình (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)</i>	7110
4.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (trong phạm vi Khoản 3, Điều 11 Luật Kinh doanh Bất động sản)	6810
5.	Cho thuê xe có động cơ <i>Chi tiết: Cho thuê xe có động cơ không có lái xe đi kèm</i>	7710
6.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển.</i>	4390
7.	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn quản lý doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, kiểm toán, lập trình máy vi tính, quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, môi giới lao động, giới thiệu việc làm, dịch vụ hỗ trợ giáo dục)</i>	7020
8.	Sửa chữa thiết bị điện <i>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị điện; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của các nhà máy điện (không bao gồm sửa chữa máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị liên lạc, thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng, đồ dùng cá nhân và gia đình khác)</i>	3314
9.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
10.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710

11.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ tư vấn về công nghệ như tư vấn về kỹ thuật điện, tư vấn quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy điện, máy móc, thiết bị điện (trừ dịch vụ tư vấn kỹ thuật liên quan đến khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, khảo sát môi trường, khảo sát kỹ thuật phục vụ quy hoạch phát triển đô thị - nông thôn, quy hoạch phát triển ngành)</i>	7490
12.	Sản xuất điện	3511 (Chính)
13.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: Thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhà máy điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV, dây chuyên công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu cách điện, các loại mẫu dầu cách điện và dầu công nghiệp; Kiểm định thiết bị điện, dụng cụ an toàn điện và dây cáp điện nhưng không bao gồm kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và không bao gồm việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải (Ngoại trừ việc kiểm định và cấp giấy chứng nhận cho phương tiện vận tải; ngoại trừ việc tiếp cận một số khu vực địa lý vì lý do an ninh quốc gia)</i>	7120
14.	Truyền tải và phân phối điện <i>Chi tiết: Phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện</i>	3512
15.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
16.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác <i>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đắp đường và các công trình khác (trừ xây dựng và vận hành thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)</i>	4299
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng công trình cấp thoát nước	4222
19.	Xây dựng nhà không để ở	4102
20.	Thu gom rác thải không độc hại <i>Chi tiết: Thu gom rác thải không độc hại (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3811
21.	Thu gom rác thải độc hại <i>Chi tiết: Thu gom rác thải độc hại (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3812
22.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại <i>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Sản xuất năng lượng tái tạo (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3821
23.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại <i>Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Sản xuất năng lượng tái tạo (Trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3822
24.	Tái chế phế liệu <i>Chi tiết: Tái chế phế liệu; Sản xuất năng lượng tái tạo (trừ dịch vụ thu gom rác thải trực tiếp từ các hộ gia đình, nhập khẩu chất thải)</i>	3830

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể thay đổi, sửa đổi, bổ sung khi đăng ký với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả nhằm tạo lợi nhuận tối đa cho Cổ đông trong khuôn khổ quy định pháp luật; không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu các sản phẩm của Công ty; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích cho Cổ đông, làm tròn nghĩa vụ

với Nhà nước. Công ty lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh, đặc biệt là lợi nhuận làm thước đo toàn bộ hoạt động của Công ty.

3. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 4.225.083.710.000 VNĐ (Bằng chữ: Bốn nghìn hai trăm hai mươi lăm tỷ, không trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm mười nghìn đồng).
2. Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 422.508.371 cổ phần (Bằng chữ: Bốn trăm hai mươi hai triệu năm trăm lẻ tám nghìn ba trăm bảy mươi một cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (Bằng chữ: Mười nghìn đồng một cổ phần).
3. Công ty có thể điều chỉnh Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Công ty không có Cổ đông sáng lập. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
5. Ngoài cổ phần phổ thông, Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi (CPUD) khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật. Người sở hữu cổ phần ưu đãi được gọi là Cổ đông ưu đãi. CPUD có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
6. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - a. Cổ phần ưu đãi cổ tức
 - i. CPUD cổ tức là cổ phần:
 - Được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm bao gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của CPUD cổ tức
 - Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của CPUD cổ tức
 - ii. Cổ đông sở hữu CPUD cổ tức có quyền:
 - Nhận cổ tức theo quy định tại Điều 5.5.a.i Điều lệ này

- Được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ, CPUD cổ tức hoàn lại khi Công ty giải thể hoặc phá sản

- Có các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết; dự họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử vào Thành viên Hội đồng Quản trị.

b. Cổ phần ưu đãi hoàn lại

i. CPUD hoàn lại là cổ phần:

- Được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của Người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của CPUD hoàn lại và Điều lệ Công ty

- Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của CPUD hoàn lại

ii. Cổ đông sở hữu CPUD hoàn lại có quyền:

- Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định

- Có các quyền khác như Cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết; dự họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử vào Thành viên HĐQT

c. Cổ phần ưu đãi cổ tức chuyển đổi

i. CPUD cổ tức chuyển đổi là cổ phần

- Được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của CPUD cổ tức chuyển đổi

- Được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của CPUD cổ tức chuyển đổi hoặc được Công ty mua lại theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của CPUD cổ tức chuyển đổi

ii. Cổ đông sở hữu CPUD cổ tức chuyển đổi có quyền

- Nhận cổ tức theo quy định

- Đối với mỗi CPUD cổ tức chuyển đổi, khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

(a) Bất kỳ sự kiện nào nêu tại Điều 48.1 của Điều lệ,

(b) Công ty có bất kỳ thỏa thuận, kế hoạch hoặc dàn xếp nào liên quan đến việc gia hạn hoặc xóa các khoản nợ của Công ty và thỏa thuận, kế hoạch hoặc dàn xếp đó ràng buộc các chủ nợ nắm giữ ít nhất 50% các khoản nợ của Công ty hoặc Công ty không thanh toán bất kỳ khoản nợ nào của mình mà thời gian quá hạn là từ ba (3) tháng trở lên tính từ khi khoản nợ đó đến hạn.

(c) Việc sáp nhập, mua lại, hợp nhất, hay một hay một loạt các giao dịch khác đối với Công ty mà theo đó các Cổ đông hiện hữu của Công ty sau (các) giao dịch đó không còn nắm giữ quyền biểu quyết đa số trong doanh nghiệp còn tồn tại, hoặc

(d) Việc chuyển giao (dù có để nhận lại giá trị bằng tiền hay không) trên 50% giá trị tài sản của Công ty, được nhận từ các tài sản còn lại của Công ty một số tiền trên mỗi cổ phần bằng tổng của

- (i) Giá tiền mà Cổ đông đã thanh toán để mua CPUD cổ tức chuyển đổi,
- (ii) Khoản tiền phát sinh được tính toán theo các điều khoản trong cổ phiếu và/hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần ký với cổ đông, và
- (iii) Bất kỳ số tiền lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên bất kỳ cổ tức quá hạn nào và các số tiền khác còn nợ cổ đông (trừ khi các điều khoản trong cổ phiếu quy định rằng số tiền này đã bao gồm khi tính toán số tiền tại (ii)).

Để tránh hiểu lầm, trừ trường hợp bị cấm theo quy định của Luật hiện hành, CPUD cổ tức chuyển đổi có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang hàng với CPUD hoàn lại trong trường hợp xảy ra bất kỳ sự kiện nào nêu tại Điều 48.1 của Điều lệ.

- Sau khi thanh toán số tiền quy định ở trên, CPUD cổ tức chuyển đổi được coi là đã được Công ty mua lại để hủy bỏ mà Công ty không phải trả thêm bất kỳ khoản thanh toán nào cho người sở hữu CPUD cổ tức chuyển đổi đó.
- Có các quyền khác như Cổ Đông Phổ Thông, trừ quyền (i) biểu quyết; (ii) dự họp ĐHĐCĐ; và (iii) đề cử, ứng cử người vào HĐQT.

Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp để Cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là Cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người sở hữu cổ phần về việc đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày người sở hữu cổ phần thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu, Công ty phải cấp chứng nhận cổ phiếu cho người sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị phải bao gồm các nội dung: Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

- c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả khi mua cổ phiếu, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5, 7 Điều này và trong các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo tỷ lệ do Hội đồng Quản trị quy định vào thời điểm thu hồi kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán.
6. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
7. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị; Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị;
3. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo Điều lệ, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật và Điều lệ này;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các Cổ đông đang nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Quyền được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau;
 - j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Cổ đông có quyền được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội đồng Quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp
Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan khác về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
 - b. Xem xét và trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam; hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty.
 - c. Yêu cầu Hội đồng Quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
 - d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ.
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông

1. Tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc cá nhân hoặc tổ chức khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Hội đồng Quản trị sẽ cung cấp các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính trước cho tất cả các Cổ đông trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Trường hợp Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực

hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các Báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc Báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh Vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số Thành viên của Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số Thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn 1/3 (một phần ba) so với số Thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Khi số Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại ít hơn số Thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật;
 - e. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản; Văn bản yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan.
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số Thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này;
 - b. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày số Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, khi đó, Hội đồng Quản trị được quyền lựa chọn thực hiện một trong các hành động quy định tại Khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a, b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Thủ tục để tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 17 Điều lệ và khoản 5 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

- e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - d. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e. Thông qua định hướng phát triển Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác:
 - a. Số lượng Thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - b. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - c. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế Thành viên Hội đồng Quản trị;
 - d. Tổng số tiền thù lao của các Thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;
 - e. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f. Loại cổ phần và số lượng cổ phần cho mỗi loại cổ phần;
 - g. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - h. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - i. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - j. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - k. Công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - l. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- m. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
 - n. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi Cổ đông đó hoặc người có liên quan tới Cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của Cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh trên Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các Nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Điều 15. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác
 - c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử
 - d. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
2. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và có chữ ký của Bên ủy quyền và bên được ủy quyền và phải tuân theo các quy định sau đây:
- a. Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - d. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ **65%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu Cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75%** tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75%** tổng số Cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức Lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 (hai) Cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt nêu trên được thực hiện tương tự theo các quy định tại Điều 18, 19 và Điều 20 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân chia lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng Quản trị quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức truyền thống hoặc hình thức Đại hội trực tuyến hoặc Đại hội trực tuyến kết hợp với hình thức tổ chức đại hội truyền thống. Các vấn đề liên quan đến việc tổ chức Đại hội có hình thức trực tuyến sẽ áp dụng theo quy định về tổ chức Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử do Đại hội đồng cổ đông thông qua, ngoài ra Đại hội đồng Cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội.
 - d. Dự thảo Nghị quyết theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.
 - g. Công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (trong trường hợp xác định được trước các ứng viên) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo Nghị quyết đối với các vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần Cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không sở hữu đủ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

Trường hợp người triệu tập họp ĐHĐCĐ từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Kiến nghị được chính thức đưa vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 120 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại theo danh sách Cổ đông đã chốt trong đợt Đại hội dự định tổ chức lần thứ nhất không thành và chỉ được tiến hành khi có Thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 120 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, thì thông báo mời họp lần

thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, và trong trường hợp này cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

4. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước ngày khai mạc Đại hội, Công ty phải tiến hành việc đăng ký dự họp cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ Cổ đông có quyền tham dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương đương với số cổ phần mà Cổ đông nắm giữ về các vấn đề cần biểu quyết trong cuộc họp.
2. Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành Nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành, không có ý kiến để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, không hợp lệ theo từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số Thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời không có khả năng làm việc thì các Thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số họ làm Chủ tọa theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp, nếu không thì một trong các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp. ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

5. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông chỉ có thể hoãn Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
- a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

Ngoài ra, Chủ tọa Đại hội có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những Thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành Đại hội cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại Đại hội không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp lý, hợp pháp khác. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
10. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - a. Thông báo Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa Đại hội sẽ có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều Khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham dự Đại hội;Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều Khoản này.
12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
13. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
14. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm bảo đảm để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc Lấy ý kiến bằng văn bản và hình thức khác, kể các các vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận:
 - i. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - ii. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iii. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - iv. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị có thể thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc phương thức bầu dồn phiếu. Trước khi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để bầu Thành viên Hội đồng Quản

trị, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị phù hợp với các quy định tại Điều lệ này.

Trường hợp biểu quyết bầu Thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu thì mỗi Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc tổng số cổ phần đại diện nhân với số Thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Phương thức bầu dồn phiếu do Hội đồng Quản trị xác lập tại Thẻ lệ bầu cử.

Người trúng cử Thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số Thành viên Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ Công ty. Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị phải có ít nhất 01 (một) phiếu bầu. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho Thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí trong Thẻ lệ bầu cử. Trường hợp không có đủ số thành viên Hội đồng Quản trị thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức Lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Điểm b Khoản 2 Điều này thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu của các Cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận.
4. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định tại Khoản này.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu Lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu Lấy ý kiến kèm theo dự thảo Nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên

lạc đã đăng ký của từng Cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu Lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu Lấy ý kiến được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu Lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

3. Phiếu Lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, đại chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu Lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty.

4. Phiếu Lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc Người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức.

Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các Thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu Lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu Lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản lập bằng tiếng Việt, có thể lập bằng tiếng nước ngoài và đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.
2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Phải được lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp;
 - b. Chủ tọa và thư ký hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp.
 - c. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo quy định pháp luật trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
 - d. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính

kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ toàn bộ hoặc một phần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định Đại hội đồng cổ đông hoặc Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Điều lệ này và khoản 2 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. Nội dung Nghị quyết vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị

1. Số lượng Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể Thành viên Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm 5 năm kể từ ngày được Đại hội đồng Cổ đông bầu; Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số Thành viên Độc lập HĐQT phải đáp ứng điều kiện sau (i) Có tối thiểu **1** Thành viên Độc lập trong trường hợp Công ty có số Thành viên HĐQT từ **3 đến 5**; (ii) Có tối thiểu **2** Thành viên Độc lập trong trường hợp Công ty có số Thành viên HĐQT từ **6 đến 8**; (iii) Có tối thiểu **3** Thành viên Độc lập trong trường hợp Công ty có số Thành viên HĐQT từ **9 đến 11**. Tổng số Thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất **1/3** tổng số Thành viên HĐQT.

2. Trường hợp tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các Thành viên đó tiếp tục là Thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi Thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định bởi Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan, Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, miễn cưỡng, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty và Cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các Bên có quyền lợi liên quan của Công ty.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực Năng lượng và có khả năng sử dụng tiếng Anh trong hoạt động quản lý doanh nghiệp;
 - c. Có chuyên môn quản trị kinh doanh: nắm vững các kỹ thuật về quản trị kinh doanh mới nhất và các vấn đề đạo đức liên quan; có nhận thức về ảnh hưởng bên ngoài quan trọng đối với công ty và môi trường thương mại nói chung, bao gồm các vấn đề về chính trị, kinh tế, xã hội và công nghệ;
 - d. Có các đặc điểm, kỹ năng phù hợp trong việc Quản trị Doanh nghiệp gồm: Sự phù hợp và cam kết với các nguyên tắc, giá trị, và Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh của Doanh nghiệp; tầm nhìn chiến lược; sẵn sàng bảo vệ quan điểm, dựa trên nhận định của chính mình; có khả năng làm việc nhóm; sẵn sàng về thời gian; kiến thức về thông lệ tốt nhất trong Quản trị Công ty; khả năng hiểu các Báo cáo Quản trị, Kế toán và Tài chính cũng như Phi Tài chính;
 - e. Có sự chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của Công ty, vì lợi ích cao nhất của Công ty và toàn bộ Cổ đông của Công ty;
 - f. Cần phải nỗ lực đưa ra quyết định độc lập và khách quan về tất cả các vấn đề của Công ty.
4. Việc đề cử Thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện như sau:

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị và phải thông báo cho Hội đồng Quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

Ứng viên Hội đồng Quản trị được Hội đồng Quản trị xét đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm Thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và Thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị hạn chế năng lực hành vi;
 - d. Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Các trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điểm 1 Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
9. Việc bầu các Thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
10. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản trị hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Giám sát Tổng Giám đốc và các người điều hành khác.
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, các chế độ khác đối với Tổng giám đốc và các người điều hành khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc; Ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng Thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở một Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với và người điều hành khác của Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Quyết định việc phát hành trái phiếu và đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền.
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - j. Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
 - l. Quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - m. Xây dựng Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập, tổ chức lại, giải thể Chi nhánh hoặc các Văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản các Công ty con của Công ty;
 - c. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Điểm i, k, l Khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn;
 - d. Quyết định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm làm đại diện thương mại, luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng Quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền và nhiệm vụ của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
4. Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:
- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị và từng Thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - c. Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị về hoạt động của Hội đồng Quản trị (nếu có);
 - d. Hoạt động của Ủy ban Kiểm toán;
 - e. Hoạt động của các Tiểu ban khác thuộc Hội đồng Quản trị (nếu có);
 - f. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các Thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ thường niên.
6. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ hoặc tham gia điều hành Công ty, hoặc Thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, hoặc thực

hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng Quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một (01) Thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

7. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, hoặc các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
8. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc Người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các Thành viên để bầu ra 01 Chủ tịch Hội đồng Quản trị và tùy theo từng thời kỳ, có thể bầu một (01) hoặc nhiều Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định của Công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho 01 (một) Thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các Thành viên còn lại bầu một người trong số các Thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo hoạt động của Công ty, Báo cáo kiểm toán và Báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quá bán.
2. Đối với các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi Quý phải họp 01 (một) lần.
3. Đối với các cuộc họp bất thường, Chủ tịch tự mình quyết định hoặc phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:
 - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
 - c. Ít nhất 02 (hai) Thành viên Hội đồng Quản trị.
4. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; và những người đề nghị tổ chức cuộc họp nêu tại Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về Báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp:
 - a. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi trước cho các Thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, nội dung và các vấn đề cần thảo luận kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - b. Thông báo mời họp có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, phương tiện điện tử (fax, thư điện tử...), nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng Thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số Thành viên tham dự tối thiểu:

- a. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị lần thứ nhất được tiến hành khi có từ $\frac{3}{4}$ (ba phần tư) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số Thành viên dự họp theo quy định, thì cuộc họp Hội đồng Quản trị được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số Thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

- a. Trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà Thành viên đó hoặc Người liên quan tới Thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng không được tính vào tỷ lệ Thành viên tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà Thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một Thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của Thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các Thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách đầy đủ và trung thực;
- d. Thành viên Hội đồng Quản trị hưởng lợi từ hợp đồng được quy định tại Điểm a, b Khoản 5 Điều 34 Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
- e. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau: (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; (ii) Ủy quyền cho người khác đến tham dự và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; (iii) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; (iv) Phương tiện khác theo quy định Điều lệ hoặc pháp luật. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Công khai lợi ích:

Thành viên Hội đồng Quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một (01) hợp đồng/giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng/giao dịch này. Trường hợp Thành viên Hội đồng Quản trị không biết bản thân và Người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, Thành viên Hội đồng Quản trị có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi Thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong hợp đồng/giao dịch liên quan.

11. Hội đồng Quản trị có thể thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, Lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác tùy vào điều kiện và vấn đề cụ thể.
12. Hội đồng Quản trị thông qua các quyết định và ra Nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng Quản trị là phiếu quyết định.
13. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các Thành viên của Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số Thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi Thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng Thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các Thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các Thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm Thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy địa điểm cuộc họp là địa điểm của Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua tại cuộc họp theo hình thức nêu trên, được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng các thành viên Hội đồng quản trị phải ký biên bản gửi đến địa chỉ Công ty hoặc scan và gửi qua thư điện tử.

14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị:
 - a. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng) bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên

- khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.
- b. Trong trường hợp Hội đồng Quản trị họp qua hình thức điện thoại hoặc các hình thức khác theo quy định tại Khoản 13 Điều này, Biên bản họp đó có hiệu lực và giá trị như Biên bản họp Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển Biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các Thành viên và những Biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được chuyển đi.
15. Nghị quyết theo hình thức Lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các Thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
16. Các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị:
- Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các Tiểu ban trực thuộc. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều Thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được giao, các Tiểu ban phải tuân thủ các quy định của Hội đồng Quản trị.
17. Các hành động thực thi quyết định Hội đồng Quản trị của các Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc của Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hoặc của người có tư cách Thành viên Tiểu ban Hội đồng Quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người có tư cách Thành viên Tiểu ban có thể có sai sót.

Điều 28. Ủy ban Kiểm toán

1. Công ty có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không Điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.

4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều 161 Luật doanh nghiệp, Điều 283 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan.
6. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán: Ủy ban kiểm toán họp ít nhất 02 lần trong 01 năm. Biên bản họp được lập rõ ràng, chi tiết và phải được lưu trữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành, trường hợp ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
7. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:
Báo cáo gồm các nội dung: Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán; Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty; Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty; Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp; Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông; Các nội dung khác.
8. Các vấn đề khác có liên quan khác đến tổ chức hoạt động của Ủy ban kiểm toán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định

CHƯƠNG IV

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy Công ty

Công ty sẽ ban hành một cơ cấu tổ chức điều hành mà theo đó Bộ máy tổ chức điều hành sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự quản trị, lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, 01 (một) hoặc nhiều Phó Tổng Giám đốc, 01 (một) Kế toán trưởng và các chức danh Quản lý khác do Hội đồng Quản trị quyết định và bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng Nghị quyết Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được tuyển dụng hoặc thuê người điều hành khác của Công ty, với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và Quy chế Quản lý công ty do Hội đồng Quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và ký kết và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm và phải báo cáo ĐHCĐ thường niên.

Điều 31. Tổng giám đốc

1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 (một) Thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Tổng Giám đốc là Người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định của Hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:
 - a. Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị bao gồm việc tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường ngày của Công ty, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại theo những thông lệ quản lý tốt nhất và theo đúng quy định quản lý nội bộ của Công ty.
 - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao,

- tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng Quản trị quyết định.
- d. Chậm nhất đến hết ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
 - e. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng Quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin theo quy định của pháp luật và các quy chế của Công ty;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích khác, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức điều hành Công ty, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
4. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 32. Người Phụ Trách Quản trị Công ty

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả (“Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty”). Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội đồng Quản trị quyết định, tối đa là 5 năm. Người Phụ Trách Quản Trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty. Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có quyền vào nghĩa vụ sau:

- 1. Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và Cổ đông;

2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp và tham dự các cuộc họp;
4. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho Thành viên Hội đồng Quản trị;
6. Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
7. Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều Lệ;
8. Đảm bảo việc tuân thủ quy định pháp luật về quản trị công ty đại chúng;
9. Ghi nhận và đề xuất những khóa đào tạo cần thiết cho Thành viên Hội đồng Quản trị;
10. Các công việc liên quan khác được Hội đồng Quản trị giao;
11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách Thành viên các Tiểu ban của Hội đồng Quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của cá nhân/tổ chức khác.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều

hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các Thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới Thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính; với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng/giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những Thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch đó cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ đông về vấn đề đó, và những Cổ đông không có lợi ích liên quan đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch đó;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các Cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan với các Thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan; không được phép mua/bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại:

Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

- a. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một Bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc cá nhân/tổ chức khác mà Công ty ủy quyền/yêu cầu thực hiện, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hoặc xác nhận nào về việc người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
- b. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép.
- c. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 36. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư, người được uỷ quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty danh sách Cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền đó.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ và công việc của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy định Công ty, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc

một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Trường hợp Công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website Công ty.

CHƯƠNG VII

CÁN BỘ NHÂN VIÊN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 37. Cán bộ nhân viên và các hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể

1. Hàng năm Tổng giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ, lao động, tiền lương, các loại bảo hiểm bắt buộc, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật... đối với Cán bộ Công nhân viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Thỏa ước lao động tập thể, nội quy, Quy chế và các quy định của Công ty.
2. Công ty tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho các tổ chức Đảng và đoàn thể hoạt động; Tổ chức Đảng và các đoàn thể soạn thảo quy chế phối hợp với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc để đảm bảo sự hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp hài hòa các lợi ích và đúng pháp luật.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 38. Cổ tức

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi Nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ đông) thì Cổ đông đó phải chịu.

Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho Cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo về việc những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Hội đồng Quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

CHƯƠNG IX

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Trích lập các Quỹ

Hàng năm, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ khác đã đến hạn phải trả, tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật, Công ty sẽ trích lập các Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ và các Quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Mức

trích lập các Quỹ sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng Quản trị là cơ quan quyết định sử dụng các Quỹ này theo mức trích lập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 41. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh, giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG X**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN,****TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG****Điều 43. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và Bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh Báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài Báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Theo quy định của pháp luật, Công ty phải lập các Báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý theo các quy định nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Các Báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), Báo cáo 06 (sáu) tháng và quý của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và theo quy định pháp luật.
5. Theo quy định của Công ty, cá nhân/tổ chức quan tâm có thể được quyền kiểm tra hoặc sao chụp Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 06 (sáu) tháng và hàng quý trong giờ làm việc, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các Báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XI KIỂM TOÁN CÔNG TY VÀ CON DẤU CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty có trách nhiệm chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về Báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập Báo cáo kiểm toán và trình Báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải nằm trong danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ

VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể phải thông báo hoặc xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để Cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động Công ty được gia hạn khi được số Cổ đông đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 50. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) Thành viên. Trong đó, 02 (hai) Thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) Thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế về hoạt động của mình. Các Thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả

các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước tòa án và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hoặc tới quyền, nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty này, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

Các Bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong thời hạn 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các Bên chấp nhận, bất cứ Bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài kinh tế hoặc tòa có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Các Bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng, hoà giải và giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 52. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật trái với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 53. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 13 Chương 53 Điều; được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và được sửa đổi, bổ sung các lần như sau:
 - a. Lần thứ 01 (nhất) vào ngày 06/6/2012 theo Nghị quyết số 01/2012/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 09/4/2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012;
 - b. Lần thứ 02 (hai) theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 22/4/2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013;
 - c. Lần thứ 03 (ba) theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 18/4/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014;
 - d. Lần thứ 04 (tư) theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 23/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên tại trụ sở chính của Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này;
 - e. Lần thứ 05 (năm) theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 23/4/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên;
 - f. Lần thứ 06 (sáu) theo Nghị quyết số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 23/4/2015 và Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2015 của Đại hội đồng cổ đông thường niên và Báo cáo Ủy ban chứng khoán kết quả tăng Vốn điều lệ từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng Vốn cổ phần từ nguồn Vốn chủ sở hữu ngày 24/7/2015;
 - g. Lần thứ 07 (bảy) theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 25/5/2016 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;
 - h. Lần thứ 08 (tám) theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 25/5/2016 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường và Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐQT ban hành ngày 20/6/2016 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
 - i. Lần thứ 09 (chín) theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 28/4/2017 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 20/6/2017 về việc tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
 - j. Lần thứ 10 (mười) theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 28/4/2017 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
 - k. Lần thứ 11 (mười một) theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 20/6/2017 về việc tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;

- l. Lần thứ 12 (mười hai) theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 18/7/2017 về việc tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- m. Lần thứ 13 (mười ba) theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 20/3/2018 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- n. Lần thứ 14 (mười bốn) theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 18/9/2018 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- o. Lần thứ 15 (mười lăm) theo Nghị quyết số 33/2018/NQ-HĐQT ban hành ngày 12/10/2018 về việc tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- p. Lần thứ 16 (mười sáu) theo Nghị quyết 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 26/04/2019 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai;
- q. Lần thứ 17 (mười bảy) theo Nghị quyết 12/2020/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 12/06/2020 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2019 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- r. Lần thứ 18 (mười tám) theo Nghị quyết 34A/2020/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 28/10/2020 về việc tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- s. Lần thứ 19 (mười chín) theo Nghị quyết số 36/2020/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 05/11/2020 về việc tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- t. Lần thứ 20 (hai mươi) theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 29/4/2021 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- u. Lần thứ 21 (hai mốt) theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 29/4/2021 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 và Nghị quyết số 39A /2021/NQ-HĐQT ban hành ngày 08/10/2021 của Hội đồng quản trị về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- v. Lần thứ 22 (hai mươi hai) theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 26/04/2022 trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai.
- w. Lần thứ 23 (hai mươi ba) theo Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐQT ban hành ngày 05/7/2022 của Hội đồng Quản trị về tăng Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- x. Lần thứ 24 (hai mươi tư) theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-ĐHĐCĐ ban hành ngày 12/10/2022 của ĐHĐCĐ về Phát hành cổ phần ưu đãi có quyền chuyển đổi.
- y. Lần thứ 25 (hai mươi lăm) theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐQT ban hành ngày 28/12/2022 của HĐQT.



- z. Lần thứ 26 (hai mươi sáu) theo Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐQT ban hành ngày 19/7/2023 của HĐQT về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- aa. Lần thứ 27 (hai mươi bảy) theo Nghị quyết số 20A/2024/NQ-HĐQT ban hành ngày 16/9/2024 của HĐQT về tăng vốn điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 01 (một) bản gốc, do Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký thông qua và được lưu trữ lại trụ sở Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số Thành viên Hội đồng Quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TÂN XUÂN HIỂN